|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS AN PHÚ  **TỔ KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

**KIỂM TRA GIỮA KỲ**

**HỌC KỲ II - NĂM HỌC 2021-2022**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN – TIẾT 97- 98**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Đối với học sinh:** Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng và tự đánh giá kiến thức của mình, từ đó có hướng phấn đấu tốt hơn.

**2. Đối với giáo viên:** Đánh giá kết quả học tập của học sinh, nắm được khả năng tiếp thu bài của các em, từ đó có hướng điều chỉnh phương pháp giảng dạy cho phù hợp.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Trắc nghiệm khách quan kết hợp với tự luận

**III. THIẾT LẬP MA TRẬN ĐỀ**

**1. Ma trận đề**

a) Thời gian làm bài: 60 phút

b) Hình thức: Trắc nghiệm kết hợp tự luận

- Trắc nghiệm khách quan: 14 câu chiếm 7,0 điểm

- Tự luận: 03 câu chiếm 3,0 điểm

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề - Nội dung** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | **Tổng số câu** | **Tổng điểm** |
| **NB** | **TH** | **VD** | **VDC** |
| **1** | **Chủ đề 1.**  **- Virus**  **- Vi khuẩn** | **2** | **2** | **1** | **1** | **6** | **3,5** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2** | **Chủ đề 2. Nguyên Sinh Vật** | **2** | **2** |  |  | **4** | **2,0** |
| **3** | **Chủ đề 3. Nấm** |  |  | **2** |  | **2** | **1,5** |
| **4** | **Chủ đề 4. Thực Vật** | **3** | **2** |  |  | **5** | **3,0** |
| **Tổng số câu** | | **7** | **6** | **3** | **1** | **17** |  |
| **Thời gian (phút)** | |  |  |  |  |  | **60** |
| **Tổng điểm** | | **4,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** |  | **10,0** |

**2. Bản đặc tả đề kiểm tra**

| TT | Chủ đề - Nội dung | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi theo mức độ cần đạt** | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **VD cao** |
| **1** | **Chủ đề 1.**  **- Virus**  **- Vi khuẩn** | **[VD]** - Giải thích được tại sao virut không được xem là cơ thể sống.  **[NB]** - Quan sát và mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của vi khuẩn. Thấy được sự đa dạng của vi khuẩn trong tự nhiên.  **[NB]** - Nêu được vai trò của vi khuẩn trong tự nhiên và thực tiễn. **[TH]** **-** Trình bày được một số bệnh và đường lây truyền do vi khuẩn gây ra và nêu được một số biện pháp phòng chống.  **[VD]** - Mô tả được hình dạng và cấu tạo đơn giản của virut. Nhận dạng được virut chưa có cấu tạo tế bào. | **2** | **2** | **1** | **1** |
| **2** | **Chủ đề 2.**  **- Nguyên Sinh Vật** | **[NB]** - Nêu được “Thế nào là nguyên sinh vật”?  **[NB]** - Dựa vào hình thái nhận biết được một số đại diện của nguyên sinh vật trong tự nhiên như: Trùng gioi, trùng giày, tảo lục đơn bào, tảo silic…  **[TH]** - Thông hiểu được các thành phần cấu tạo bên trong của nguyên sinh vật trong tự nhiên: Trùng gioi, trùng giày, tảo lục đơn bào…  **[TH]** - Phân biệt được một số đại diện thuộc nhóm nguyên sinh vật. | **2** | **2** |  |  |
| **3** | **Chủ đề 3.**  **- Nấm** | **[VD]** - Vận dụng kiến thức đã học về đặc điểm cấu tạo của nấm để xác định các bộ phận của nấm thông qua hình ảnh.  **[VD]** - Vận dụng kiến thức đã học liên hệ thực tế xác định nấm ăn được và nấm không ăn được. |  |  | **2** |  |
| **4** | **Chủ đề 4.**  **- Thực Vật** | **[NB]** - Phân biệt được các đặc điểm cấu tạo của các nhóm thực vật trong tự nhiên: Rêu; Dương xỉ; Hạt trần; Hạt kín.  **[NB]** – Biết được nơi sống của các nhóm thực vật trong tự nhiên.  **[NB]** - Vai trò của thực vật trong tự nhiên, trong bảo vệ môi trường và trong đời sống.  **[TH]** - Thông hiểu được các đặc điểm cấu tạo các bộ phận của các nhóm thực vật trong tự nhiên.  **[TH]** - Thông hiểu được sự tiến hóa của thực vật thông đặc điểm cấu tạo của từng nhóm thực vật. | **3** | **2** |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG** | **NGƯỜI RA MA TRẬN**  **Lương Văn Lực** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS AN PHÚ**  **Lớp : ...........**  **Họ và tên: ............................................................** | **KIỂM TRA GIỮA KÌ – HK II**  **Năm học : 2021 – 2022**  **Môn: KHTN 6**  Thời gian 60 phút *( không kể thời gian phát đề )* |

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê**  ………………………………………………………  ……………………………………………………… |

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:** ( 14 câu 7.0 điểm). ***Chọn đáp án đúng nhất :***

**Câu 1.** Vi khuẩn là

**A.** nhóm sinh vật có cấu tạo nhân sơ, kích thước hiển vi.

**B.** nhóm sinh vật có cấu tạo nhân thực, kích thước hiển vi.

**C.** nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước hiển vi.

**D.** nhóm sinh vật chưa có cấu tạo tế bào, kích thước siêu hiển vi.

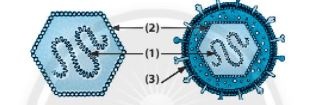
**Câu 2.** Vi khuẩn nào sau đây là lợi khuẩn?

**A.** Vi khuẩn lao. **C.** Trực khuẩn lị. **B.** Trực khuẩn lactic. **D.** Phẩy khuẩn tả.

**Câu 3.** Con đường lây truyền nào sau đây không phải là con đường lây truyền bệnh lao phổi?

**A.** Thông qua đường tiêu hoá. **B.** Tiếp xúc trực tiếp với nguồn bệnh.

**C.** Thông qua đường hô hấp. **D.** Thông qua đường máu.

**Câu 4.** Quan sát hình dưới đây và xác định cấu tạo của virus bằng cách lựa chọn đáp án đúng.

**A.** (1) Vỏ ngoài, (2) Vỏ protein, (3) Phần lõi.

**B.** (1) Phần lõi, (2) Vỏ protein, (3) Vỏ ngoài.

**C.** (1) Vỏ protein, (2) Vỏ ngoài, (3) Phần lõi.

**D.** (1) Vỏ ngoài, (2) Phần lõi, (3) Vỏ protein.

**Câu 5.** Bệnh nào sau đây không phải do vi khuẩn gây nên?

**A.** Bệnh kiết lị. **B.** Bệnh tiêu chảy. **C.** Bệnh vàng da. **D.** Bệnh thuỷ đậu.

**Câu 6.**Vật chủ trung gian truyền bệnh thường thấy của trùng kiết lị là gì?

**A.** Ốc.        **B.** Muỗi.           **C.** Cá.           **D.** Ruồi, nhặng.

**Câu 7.** Thành phần nào trong tế bào tảo lục giúp chúng có khả năng quang hợp?

**A.** Lục lạp.    **B.** Chât tế bào.      **C.** Nhân.    **D.** Màng tế bào.

**Câu 8.** Trong các sinh vật dưới đây, sinh vật nào không phải là nguyên sinh vật?

**A.** Trùng giày.  **B.** Tảo lục **C.** Trùng biến hình.    **D.** Vi khuẩn.

**Câu 9.** Nguyên sinh vật là nhóm sinh vật

**A.** có cấu tạo tế bào nhân thực, đa số có kích thước hiển vi.

**B.** có cấu tạo tế bào nhân sơ, đa số có kích thước hiển vi.

**C.** chưa có cấu tạo tế bào, đa số có kích thước hiển vi.

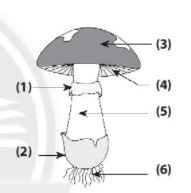
**D.** có cấu tạo tế bào nhân thực, kích thước lớn.

**Câu 10.** Ở đương xỉ, các túi bào tử nằm ở đâu?

**A.** Thân cây. **B.** Rễ cây **C.** Mật dưới của lá. **D.** Mặt trên của lá.

**Câu 11.** Cơ quan sinh sản của ngành Hạt trần được gọi là gì?

**A.** Bào tử. **B.** Nón.                   **C.** Hoa.                **D.** Rễ.

**Câu 12.** Quan sát hình bên, và cho biết ở vị trí số ( 1 ) cấu tạo trên thân nấm có tên là gì?

**A.** Bao gốc nấm.

**(1)3**

**B.** Mũ nấm .

**C.** Cuống nấm.

**D.** Phiến nấm .

**Câu 13.** Cây rêu thường mọc ở nơi có điều kiện như thế nào?

**A.** Nơi khô ráo. **B.** Nơi ẩm ướt.

**C.** Nới thoáng đãng.      **D.** Nơi nhiều ánh sáng.

**Câu 14.** Nhóm thực vật nào sau đây có đặc điểm có mạch, có hạt, không có hoa?

**A.** Rêu. **B.** Dương xỉ. **C.** Hạt trần. **D.** Hạt kín.

**PHẦN TỰ LUẬN:** ( 03 câu 3.0 điểm)

**Câu 15.** *(1.0 điểm)* Sau khi học bài virus bạn An nói “ Virus là một dạng sống đặc biệt”. Em hãy giải thích câu nòi trên?

**Câu 16.** *(1.0 điểm)* Hãy nêu vai trò của thực vật đối với tự nhiên và trong đời sống con người.

**Câu 17.** *(1.0 điểm)* Hãy chỉ ra dấu hiệu để nhận biết nấm độc trong tự nhiên?

***------------- HẾT -------------***

**Bài Làm**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

**PHẦN TỰ LUẬN:**

....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**HƯỚNG DẪN CHẤM BÀI KIỂM TRA GIỮA KỲ II**

**MÔN : KHTN, KHỐI 6**

**Năm học : 2021– 2022**

**PHẦN TRẮC NGHIỆM:** ( 14 câu – 7.0 điểm)

*Mỗi câu trả lời đúng:* ***được 0,5 điểm.***

*( 14 câu x 0,5 điểm = 7,0 điểm)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** |
| **Đáp án** | A | C | D | B | D | D | A | D | A | C | B | C | B | C |

**PHẦN TỰ LUẬN:** ( 03 câu 3.0 điểm)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu hỏi** | **Nội dung trả lời** | **Thang điểm** |
| **Câu 15.** *(1.0 điểm)* Sau khi học bài virus bạn An nói “ Virus là một dạng sống đặc biệt”. Em hãy giải thích câu nòi trên? | Virus là một dạng sống đặc biệt.  - Vì virus sống kí sinh nội bào bắt buộc,  - Khi ra khỏi tế bào vật chủ, virus tồn tại như một vật không sống. | *0.5 điểm*  *0.5 điểm* |
| **Câu 16.** *(1.0 điểm)* Hãy nêu vai trò của thực vật đối với trong tự nhiên và thực tiễn đời sống con người. | - Thực vật là thức ăn của nhiều loài sinh vật khác.  - Thực vật cung cấp nơi ở, nơi sinh sản cho nhiều loài sinh vật.  - Thực vật góp phần giữ cân bằng hàm lượng không khí, điều hòa khí hậu...  - Thực vật còn cung cấp lương thực, thực phẩm, nguyên liệu làm thuốc, nguyên liệu cho các ngành công nghiệp, làm cảnh… | *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm*  *0.25 điểm* |
| **Câu 17.** *(1.0 điểm)* Hãy chỉ ra dấu hiệu để nhận biết nấm độc trong tự nhiên? | - Nấm độc thường có màu sắc sặc sở.  - Ngoài việc có đẩy đủ các thành phần của cây nấm ra thì trên thân nấm độc có thêm vòng cuống nấm và bao gốc nấm. | *0.5 điểm*  *0.5 điểm* |

**Người ra đề, hướng dẫn chấm**

*( ký, ghi rõ họ và tên )*

Lương Văn Lực